

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2022

V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hoan.

2. Ông Cao Văn Đại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2021 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn V 2, xã V, huyện B, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Đều trú tại: Thôn H, xã Q, huyện T2, tỉnh Hải Dương.

- Bà Phùng Thị U, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm Đồng Nội, thôn V 2, xã V, huyện B, Thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn và những người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị D và anh T kết hôn vào ngày 17/5/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thể bảo ban nhau trong cuộc sống cũng như cách làm ăn. Anh T nhiều lần bị kết án phạt tù nhưng vẫn không thay đổi tính cách, lối sống, anh không chăm lo cho vợ, con. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/3/2014. Hiện nay cháu L1 đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị làm thợ cắt tóc, thu nhập trung bình một tháng là 15 triệu đồng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

* Lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Phùng Thị U cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị D, anh T đã nảy sinh mâu thuẫn đến nay không còn biện pháp nào để cải thiện được tình trạng hôn nhân. Ngoài ra, người làm chứng đều đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/3/2014 cho chị D nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, VKSND huyện Thanh Hà đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xử chị D và anh T ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/3/2014 cho chị D nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó thể hiện sự không thiện chí đoàn tụ của bị đơn. Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị D, anh T đã nảy sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Thực tế, hai người đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị D ly hôn anh T là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng chị D, anh T có 01 con chung là Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/3/2014. Chị D xin nuôi con, cháu L1 có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Mặt khác, chị D có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, HĐXX giao con cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phùng Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo L1, sinh ngày 09/3/2014

cho chị Phùng Thị D nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003327 ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị D đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện B,
- Thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang